

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-PT

Ngày 30-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Ông Trần Xuân Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Xuân P, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà X, tổ dân phố số Y, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (là thương binh loại $\frac{3}{4}$; được tặng thưởng Huy chương C sỹ vẻ vang, Huân chương kháng C hạng Ba); con bà: Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ: Vũ Thị T; có 03 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 29/2008/HSST ngày 11/8/2008, Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội “chứa mại dâm”; đến ngày 24/8/2010 chấp hành xong hình phạt tù; Bị tạm giữ từ ngày 10/4/2020 đến ngày 16/4/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Thái Bình.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân

phố số Y, thị trấn QC, huyện QP, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn LCN, xã QH, huyện QP, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T; con bà: Đoàn Thị H; có vợ: Nguyễn Thị Thu L; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 05/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện QP xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến tháng 4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành án phí; Nhân thân: Ngày 19/12/2003, Ủy ban nhân dân huyện QP quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng. Ngày 16/4/2007, Tòa án nhân dân huyện QP xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 14/10/2009, Tòa án nhân dân huyện QP xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Thái Bình.

3. Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số nhà A, tổ dân phố số B, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng P; con bà: Lê Thị H; có vợ: Bùi Thị L; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Thái Bình.

4. Đoàn Sỹ T, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường HN, thành phố HB, tỉnh HB; Nơi cư trú: số nhà 264, tổ dân phố số 7, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Sỹ T; con bà: Nguyễn Thị C; có vợ: Bùi Thùy L; có 04 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định số 77/QĐ-XPHC ngày 29/02/2012, C an thành phố HB, tỉnh HB xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau; Bị tạm giam từ ngày 03/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Thái Bình.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân P*: Luật sư **Phạm Ngọc T** và luật sư **Đoàn Việt N** - C ty Luật TNHH Quốc tế Hồng Thái và đồng nghiệp, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Q*: Luật sư **Đỗ Lý Trà M** và luật sư **Nguyễn Minh L** - C ty luật TNHH DRAGON, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Sỹ T*: Luật sư **Lưu Văn Q** và luật sư **Nguyễn Ngọc Q** - Văn phòng luật sư 365, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị*: **Đoàn Thị T1** - Sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn Lương Thường, xã Dương Phúc, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Thành C** (tên gọi khác: **Ánh C1**) - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số nhà 176, tổ dân phố số 7, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

* *Người chứng kiến:*

1. Ông **Trịnh Ngọc T2** - Sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà 202, tổ dân phố số 1, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

2. Ông **Lê Văn N** - Sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Bao Trình, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

* *Những người tham gia tố tụng khác:*

1. Anh **Nguyễn Ngọc T3** - Điều tra viên, Đội trưởng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, C an huyện TT, tỉnh Thái Bình.

2. Anh **Nguyễn Nhân T4** - Điều tra viên.

3. Anh **Tạ Trung D** - Cán bộ điều tra.

4. Anh **Đặng Văn D1** - Cán bộ điều tra.

5. Anh **Đỗ Thanh H** - Cán bộ điều tra.

Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, C an huyện TT, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt các bị cáo P, C, Q, T, luật sư T, luật sư N, luật sư M, luật sư Q, luật sư Q; Vắng mặt luật sư L, anh C, ông Thụy, ông Ngự; Anh T3, anh T4, anh D, anh D1, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị cáo T1 Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 00 phút ngày 09/4/2020, T, Q và anh C đến quán karaoke, massage do P làm chủ để nói chuyện về việc nợ tiền giữa anh C và P. Khi cả ba đến tầng 2, vào phòng 201 thì gặp P, T1 đang ở trong phòng. Nói chuyện một lúc thì P lấy 01 gói ma túy đã được gói trong túi nilon có gờ cài từ trong túi quần đang mặc để xuống mặt bàn và rủ mọi người cùng sử dụng. Thấy vậy T cúi tìm chiếc bình dùng để sử dụng ma túy thì nhìn thấy chiếc bình để dưới gầm ghế gần chỗ T1 ngồi nên nói cho T1 biết về vị trí để chiếc bình. T1 cúi xuống lấy chiếc bình thủy tinh dùng để sử dụng ma túy đặt lên bàn (chiếc bình có nắp nhựa, trên nắp có đục 02 lỗ). Sau đó P lấy chiếc cốc thủy tinh đặt xuống mặt bàn thì T lấy chiếc cốc lấp vào bình thủy tinh. Q cầm gói ma túy P để trên mặt bàn từ trước rồi lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng trong túi xúc ma túy cho vào cốc. T lấy chiếc bật lửa ga đưa cho Q để đốt ma túy trong cốc cho mọi người cùng sử dụng. Thấy bật lửa không sử dụng được nên P gọi điện cho C cầm bật lửa khác lên. Q nhận bật lửa từ

C, bật lửa đốt làm cho ma túy trong cồng nóng chảy, cháy thành khói và đưa cho P hút trước. Những người hút ma túy sau P lần lượt T1, C, T và Q. Cả nhóm sử dụng được hai vòng thì hết ma túy. Sau đó, P đi xuống tầng 1, còn T cầm bình đặt xuống gầm ghế rồi đi về nhà. Trong phòng 201 lúc này chỉ còn T1, C và Q ngồi nói chuyện. Khoảng 10 phút sau C vào phòng hỏi ma túy còn không thì Q trả lời đã hết nên C đi ra khỏi phòng, lát sau C quay lại hỏi bình để ở đâu. Được Q chỉ chỗ để bình nên C cầm bình đổ gói ma túy vào cồng, bật lửa đốt cồng cho ma túy tan chảy rồi để bật lửa xuống bàn thì P đi vào phòng. Q đốt ma túy cháy thành khói rồi đưa cho P sử dụng trước, sau đó đến T1, C, C và Q sử dụng ma túy. Khi cả nhóm sử dụng ma túy được một vòng, C quan sát camera thấy có xe ô tô dưới tầng một, tưởng có khách đến hát nên đi xuống chuẩn bị phòng hát. Khi đến cầu thang phát hiện lực lượng C an vào kiểm tra nên C, Q đi xuống rồi cả hai đi về. P thấy có C an đến, đã đi ra cài cửa sau, rồi dùng chiếc áo khoác màu đen quần khẩu súng dạng côn quay cất vào chậu nhựa trong nhà vệ sinh phòng 201, khi đó 01 túi ma túy trong túi áo khoác rơi xuống nền nhà. Đến 21 giờ 30 phút, khi P ra mở cửa thì tổ C tác C an huyện TT làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính đã phát hiện và thu giữ các vật chứng của vụ án là bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 bật lửa ga, 01 túi nilon có gờ cài, 01 đoạn ống nhựa. C an còn thu giữ 01 túi nilon bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (mẫu A1), đồng thời bị cáo P tự giác giao nộp 02 viên đạn, 01 kim gấp đa năng. Lực lượng C an khám xét khẩn cấp, phát hiện và thu giữ: 01 khẩu súng kiểu côn quay, bên trong có 01 viên đạn, 01 chiếc áo khoác màu đen, thu giữ tại phòng ngủ tầng 1 của P 01 túi nilon khác bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (mẫu số 2). Tổ C tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lập biên bản khám xét, niêm P vật chứng. Ông Thụy, ông Ngự đã trực tiếp chứng kiến việc thu giữ, khám xét, niêm P tang vật.

Bản giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ C an kết luận: khẩu súng gửi giám định là súng kiểu ổ quay bắn đạn cỡ 5,6 mm có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng; 03 viên đạn là loại đạn cỡ 5,6mm x 15,5mm, bắn được bằng khẩu súng trên.

Phòng Kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Thái Bình đã có kết luận giám định như sau: các mẫu A1, mẫu số 02 thu giữ của bị cáo P gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu A1 là 4,4003 gam; khối lượng mẫu số 02 là 0,5621 gam. Chất màu trắng đục trong ống thủy tinh gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,0514 gam. Các mẫu nước tiểu thu giữ của P, C, T1, T và Q đều chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy; chưa xác định tình trạng nghiện ma túy đối với P, C, T1, T và Q; xác định C nghiện ma túy.

Trong quá trình điều tra, bị cáo P khai: Tối ngày 09/4/2020, bị cáo và T1, C, Q, T cùng có mặt tại phòng 201 nhà nghỉ Thiên Kim. Khi đó, bị cáo đã lấy ra một gói ma túy đã đặt lên bàn, rồi Q cho ma túy vào cồng, đốt lửa cho bị cáo hút. Sau

đó, bị cáo đi xuống tầng một, bảo C pha mì tôm, những người trong phòng sử dụng ma túy như thế nào bị cáo không biết. Khi bị cáo xuống tầng một nhưng nhớ ra khẩu súng để trên tầng hai nên quay lên tìm, không thấy ở phòng 203, bị cáo quay sang phòng 201 tìm thì thấy khẩu súng ở trên sập. Bị cáo dùng chiếc áo khoác cuốn khẩu súng, rồi mang vào nhà vệ sinh thì gói ma túy để trong túi áo khoác rơi xuống nền nhà cạnh chỗ bị cáo ngồi trước đó. Sau đó, khi C an đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 khẩu súng cất giấu trong nhà vệ sinh phòng 201 và 01 gói ma túy tại nền phòng 201. C an còn phát hiện thu giữ 01 gói ma túy đá khác tại phòng tầng một. Nguồn gốc khẩu súng và viên đạn: năm 2019 bị cáo đặt mua khẩu súng trên mạng với giá 1.300.000 đồng, 03 viên đạn do một người khách đến tắm quất tại nhà hàng cho bị cáo. Mục đích mua súng để khoe cho mọi người nhìn thấy không dám bắt nạt, thực tế bị cáo chưa đe dọa ai. Nguồn gốc ma túy đá thu tại nền nhà, khoảng tháng 3/2020, bị cáo nhặt được gói ma túy trước cửa nhà nghỉ, ngày 09/4/2020, bị cáo để trong túi áo khoác khi dùng áo để quần khẩu súng thì gói ma túy rơi xuống nền nhà phòng 201, sau đó bị thu giữ tại phòng 201 có khối lượng 4,4003 gam. Khám xét nơi ở, C an thu giữ gói ma túy đá khác ở tầng một có khối lượng 0,5621 gam, bị cáo mua tàng trữ để sử dụng cho bản thân.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P khai: Tôi ngày 09/4/2020, khi bị cáo và T1 đang ở trong phòng 201 thì C, Q, T đến. Bị cáo chỉ nhờ cho ma túy vào cống để bị cáo sử dụng chứ không mời ai sử dụng ma túy. Bị cáo vừa nói chuyện điện thoại vừa hút ma túy nên không biết có ai cùng hút không. Sau đó, bị cáo đi xuống tầng một, những người ở trong phòng sử dụng như thế nào bị cáo không biết. Khối lượng ma túy 4,4003 gam thu tại phòng 201, không phải của bị cáo nhưng bị cáo không biết của ai. Khối lượng 0,5621 gam ma túy thu tại phòng tầng một là của anh T3 Đội trưởng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an huyện TT cho bị cáo để sử dụng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C khai: Hồi 20 giờ ngày 09/4/2020, bị cáo gặp T, Q, C đến nhà nghỉ Thiên Kim và vào phòng 201 thì bị cáo ở tầng một. Một lúc P gọi điện bảo mang bật lửa lên thì bị cáo đem bật lửa lên phòng 201 đưa cho Q, rồi đi xuống tầng 1. Khi thấy P xuống tầng một thì bị cáo lên phòng 201 hỏi C còn ma túy không. C trả lời không còn thì bị cáo đi xuống tầng một hỏi xin ma túy từ P nhưng P nói không có. Bị cáo đi ra cổng thì P gọi lại đưa cho bị cáo 01 gói ma túy, bị cáo mang ma túy lên phòng 201 đổ vào cống, đốt cho ma túy tan chảy để trên bàn thì P đi vào phòng. Sau đó, Q đốt cho ma túy chảy ra cho mọi người sử dụng, lần lượt P, sau đến T1, C, C và Q. Khi cả nhóm sử dụng ma túy được một vòng, bị cáo quan sát camera thấy có ô tô đến trước cửa quán nên đi xuống thì phát hiện C an đến kiểm tra.

Trong quá trình điều tra bị cáo Đoàn Thị T1, Đoàn Sỹ T khai: Tôi ngày 09/4/2020, T, Q và anh C đến nhà nghỉ Thiên Kim, khi vào phòng 201 có P, T1 đang trong phòng. Tại đây, P lấy ra một gói ma túy, đặt lên bàn và nói “Còn ít,

chơi nốt”. Do chiếc bình đặt dưới nền nhà gần ngay chỗ T1 ngồi nên T1 đã lấy chiếc bình đặt lên mặt bàn. P lấy công để lên mặt bàn, T lắp công vào bình. Bị cáo Q dùng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để xúc ma túy cho vào công, đốt ma túy trong công tan chảy, cháy thành khói, cho mọi người sử dụng, lần lượt P hút trước, rồi đến T1, C, T và Q. Cả nhóm sử dụng được hai vòng thì hết ma túy. Sau đó, P đi xuống tầng 1, còn T đi về. Khoảng 10 phút sau C lên hỏi ma túy còn không. Do Q nói hết rồi thì C đi ra, lát sau quay lại cầm gói ma túy khác đổ vào công, bật lửa đốt cho ma túy tan chảy rồi để bật lửa xuống bàn thì P đi vào phòng. Q đốt ma túy cháy thành khói rồi đưa cho mọi người sử dụng, lần lượt là P, sau đó đến T1, C, C và Q. Khi cả nhóm sử dụng được một vòng thì C quan sát camera thấy có xe nên đã đi xuống, phát hiện C an đến kiểm tra.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T, T1 thay đổi lời khai nội dung: T khai, bị cáo là người lắp công vào bình thủy tinh nhưng không biết ai để bình thủy tinh lên mặt bàn. Bị cáo T1 khai, khi P lấy ra một gói ma túy, đặt lên bàn và nói “Có còn ít đồ, chơi nốt” thì người cầm bình thủy tinh lên là P mà không phải bị cáo. Còn các nội dung khác bị cáo T, T1 vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Q khai: Tối ngày 09/4/2020, tại phòng 201, nhà nghỉ Thiên Kim, P lấy ra một gói ma túy, đặt lên bàn và nói “Còn ít, cho vào đi” (tại phiên tòa Q khai P nói “Còn ít đồ, bỏ ra chơi”). T1 là người lấy bình ở dưới sàn đặt lên bàn. T lắp công vào bình, rồi lấy một chiếc bật lửa ở phía sau đặt lên bàn. Bị cáo lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn lại thành ống để xúc ma túy từ gói ma túy của P cho vào công, rồi lấy bật lửa, đốt ma túy nhưng bật lửa không bật được, phải mời nên P gọi điện cho C cầm bật lửa khác lên. Bị cáo nhận bật lửa từ C, đốt ma túy trong công tan chảy, cháy thành khói, đẩy bình ra bàn. P sử dụng ma túy trước, rồi sau đó đến T1, C, T, còn bị cáo sử dụng sau cùng. Các bị cáo sử dụng được hai vòng thì hết ma túy trong công. Lần thứ hai thì C mang ma túy đến, cho vào công, đốt cho tan chảy, để xuống bàn. Khi P vào thì bị cáo dùng bật lửa đốt cho ma túy cháy thành khói rồi P cầm vôi hút trước, sau đó đến T1, C, C, còn bị cáo vẫn sử dụng sau cùng. Được một vòng thì C quan sát camera thấy có người đi vào, tưởng là khách nên C đi ra ngoài. Khi P hỏi khách nào thì C nói C an đến kiểm tra. Lúc đó, bị cáo đứng ở cửa, thấy vậy đi xuống cùng với C rồi về. Bị cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành C trình bày: Do anh nợ tiền P nên hồi 20 giờ ngày 09/4/2020, anh cùng T, Q đến nhà nghỉ Thiên Kim gặp P. Khi anh cùng Q, T vào phòng 201 thì trong phòng có P và T1, P ngồi ghế đơn đang nói chuyện điện thoại. Khi P nói chuyện điện thoại xong thì anh và P nói chuyện về việc anh nợ tiền. Nói chuyện nợ tiền xong, P lấy trong bao thuốc lá ra một túi nilon bên trong chứa ma túy và nói cho vào chơi nốt đi. P là người lấy công thủy tinh ở chỗ bình nước đặt lên mặt bàn, Q lấy tờ tiền mệnh giá

20.000 đồng xúc ma túy từ túi ma túy cho vào cống (túi ma túy mà P vừa để trên mặt bàn). Q đốt ma túy trong cống cho P sử dụng. P hút trước thì nói “Mời anh em chơi đi”. Q tiếp tục đốt cho mọi người sử dụng lần lượt là T1 rồi đến anh, đến T, sau cùng là Q, được hai vòng thì hết ma túy. Mọi người ngồi nói chuyện, P đi ra ngoài. T có điện thoại nên đi về, lúc này trong phòng chỉ còn T1, anh và Q. Lát sau, C đi vào, anh định về thì C giữ lại. C hỏi “Còn gì không” thì Q nói hết rồi nên C đi ra ngoài. Khi C quay lại, lấy bình thủy tinh đặt lên bàn, lấy ra một gói bên trong có ma túy đá, cho ma túy vào cống, đốt lửa nấu ma túy. Lúc này, P đi vào phòng, Q tiếp tục đốt lửa rồi lần lượt P, T1, anh C và Q sử dụng ma túy. Sau đó, anh nhìn lên màn hình thấy có C an, thấy vậy C, Q đi ra ngoài. Anh cũng định đi ra nhưng thấy C an đến cầu thang nên quay vào phòng, đi vào nhà vệ sinh, anh thấy P ôm áo quần trước bụng đi vào nhà vệ sinh phòng 201, khi đi vệ sinh xong thì P để lại chiếc áo vừa ôm trong phòng vệ sinh rồi đi ra mở cửa. Các dụng cụ sử dụng ma túy là một bình thủy tinh, một cống thủy tinh, bật lửa đều có sẵn trong phòng 201 và là của P. Về vị trí ngồi: P ngồi một mình ở ghế đôn, T1, anh và T cùng ngồi ở ghế dài, Q ngồi trên sập gỗ. Gói ma túy bị thu giữ tại nền phòng 201 và khẩu súng bị thu giữ là của P.

Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Ngọc Q, bị cáo Đoàn Sỹ T, bị cáo Đoàn Thị T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

2.1. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân P:

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cả ba tội buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 249, điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân P 10.000.000 đồng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân P đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2.2. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2020.

2.3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

2.4. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Sỹ T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2020.

2.5. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T, Đoàn Thị T1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 06/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và hình phạt. Ngày 10/3/2021, bị cáo Nguyễn Xuân P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T sửa đổi yêu cầu kháng cáo. Bị cáo C, Q, T kháng cáo đề nghị xem xét về tội danh, rút kháng cáo về hình phạt. Bị cáo P kháng về tội danh đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

* Bị cáo Nguyễn Xuân P khai: Tối ngày 09/4/2020, bị cáo bỏ ma túy ra bàn nhờ mọi người cho ma túy vào bình thủy tinh và công để bị cáo sử dụng cho bản thân. Sau khi bỏ ma túy, bình thủy tinh, công ra mặt bàn do mất kém bị cáo nhờ

mọi người cho ma túy vào cồng và đốt cháy thành khói để bị cáo sử dụng, còn ai đốt cháy ma túy và ai sử dụng ma túy sau bị cáo không biết vì bị cáo đã đi xuống tầng 1. Nguồn gốc số ma túy bị cáo sử dụng là do anh T3 cho trước đó 02 ngày, việc anh T3 cho bị cáo ma túy không có ai chứng kiến nhưng bị cáo có kể lại sự việc cho C và anh Tuấn nghe. Số ma túy thu giữ tại phòng 201 và số ma túy thu giữ trong tủ tại tầng 1 là của bị cáo. Khẩu súng bị cáo đặt mua trên mạng nhưng bị cáo không biết tính năng tác dụng của nó và chưa sử dụng súng vào việc vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

* Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên, các bị cáo xác định không rủ rê, cung cấp ma túy cho mọi người sử dụng nên các bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

* Ý kiến của Điều tra viên, cán bộ điều tra tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Nguyễn Ngọc T3 xác định không có việc anh cho bị cáo P ma túy như bị cáo khai, lời khai của bị cáo P là không đúng sự thật, quanh co nhằm mục đích chối tội. Điều tra viên, cán bộ điều tra trình bày: Quá trình điều tra vụ án Điều tra viên, cán bộ điều tra đã thực hiện hoàn toàn khách quan, C tâm, đầy đủ, đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tiến hành lấy lời khai của Nguyễn Thành C, Đoàn Sỹ T, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Thị T1 tại trụ sở C an huyện TT Cơ quan điều tra phải nhờ các đơn vị chuyên môn cấp trên thực hiện tiến hành ghi hình có âm thanh các buổi làm việc đối với các bị cáo. Các buổi lấy lời khai, hỏi cung bị can Nguyễn Xuân P được thực hiện tại Nhà tạm giữ C an huyện TT và Trại tạm giam C an tỉnh Thái Bình, thời điểm đó chưa được lắp đặt thiết bị ghi hình có âm thanh nên Cơ quan điều tra không thể thực hiện việc ghi hình có âm thanh các buổi làm việc với bị can P. Tuy nhiên, quá trình làm việc với bị can P Điều tra viên, cán bộ điều tra đã thực hiện đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đã giải thích, quyền và nghĩa vụ cho bị can và bị can P đã tự viết, ký rất nhiều Bản tự khai, các Biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can, khi kết thúc các buổi làm việc bị can P đều được nghe và đọc lại toàn bộ nội dung biên bản và tự ghi ý kiến của mình, ký xác nhận vào từng trang của biên bản. Lời khai của các bị can là do bị can tự nguyện khai báo, Điều tra viên, Cán bộ điều tra không mớm cung, ép cung đối với bị can.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình về tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T và giữ nguyên hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” đối với bị cáo Nguyễn Xuân P.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân P tranh luận:

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: C an thu giữ gói ma túy tại phòng 201 nhà nghỉ Thiên Kim khi P không có mặt và không chứng kiến việc thu giữ gói ma túy. Hiện trường thu giữ gói ma túy có nhiều người ra vào và không ai chứng kiến sự xuất hiện gói ma túy có từ lúc nào. Khi P lấy chiếc áo khoác để bọc khẩu súng là gần chỗ T1 và các bị cáo khác ngồi nhưng không được cơ quan điều tra làm rõ nội dung này. Việc đánh giá chứng cứ về tình tiết này của Tòa án cấp sơ thẩm còn nhiều mâu thuẫn nên không có cơ sở kết luận gói ma túy thu giữ tại phòng 201 là của bị cáo P.

Khi C an thu giữ gói ma túy tại phòng tầng 1 P cũng không có mặt, phòng thường xuyên không khóa cửa và có nhiều người ra vào, chứng cứ chỉ có lời khai nhận tội duy nhất của P nên chưa đủ cơ sở kết luận gói ma túy thu tại phòng tầng 1 là của bị cáo P.

Mặt khác, trong quá trình điều tra chưa giám định xem có dấu vân tay của P trên 02 túi ma túy trên không nên chưa đủ cơ sở kết tội bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự “Suy đoán vô tội” để xác định bị cáo P không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Các bị cáo khai không có sự phân C rõ vai trò của từng bị cáo và tất cả đều tự nguyện sử dụng ma túy. Do P muốn sử dụng ma túy nên nhờ các bị cáo bỏ giúp ma túy vào cống, đốt cháy ma túy thành khói để sử dụng chứ không có ý thức tổ chức cho mọi người sử dụng trái phép chất ma túy. P không quen biết, thân quen các bị cáo khác nên không có lý do để P tổ chức cho các bị cáo sử dụng ma túy. Bản thân P không có hành vi phân C, cung cấp, mong muốn đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chỉ là ý thức cá nhân nên chưa đủ chứng cứ kết tội P và các bị cáo khác về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Đối với “Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”: Bản thân P không biết tính năng, tác dụng của khẩu súng, không biết khẩu súng là vũ khí quân dụng và

thường xuyên C khai cho mọi người biết nên P không phạm tội trong việc cố ý tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng mà chỉ phạm tội vô ý. Tuy nhiên, để có đủ căn cứ kết tội P vô ý phạm tội, căn cứ khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự cần giám định lại để kết luận về tính năng tác dụng, mức độ sát thương của khẩu súng và 03 viên đạn như thế nào mới đủ căn cứ kết tội bị cáo P có hành vi vô ý tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Ngoài ra cơ điều tra còn vi phạm tố tụng, không tiến hành ghi âm ghi hình khi lấy lời khai của bị cáo P, đồng thời không làm rõ việc ông Nguyễn Ngọc T3, Đội trưởng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cung cấp ma túy cho P sử dụng.

Từ những phân tích trên, theo nguyên tắc suy đoán vô tội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TT để điều tra lại toàn bộ vụ án theo thủ tục chung.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q tranh luận: bị cáo Q không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của Q cho ma túy vào bình và đốt ma túy thành thể hơi thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là mâu thuẫn với cáo trạng và trả lời KH nại của cơ quan điều tra. Nhận định của bản án sơ thẩm buộc tội bị cáo trái với Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 vì bị cáo khẳng định không thực hiện bất cứ hành vi cấu thành tội phạm nào quy định tại Thông tư số 17, không có ai phân C, không có ai chỉ đạo việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Kiểm sát viên viện dẫn C văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 là không đúng. Mặt khác, mục đích của tội phạm là mong muốn đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác nhưng các bị cáo không thừa nhận việc đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác mà các bị cáo đều tự nguyện sử dụng ma túy. Như vậy, không đủ căn cứ kết luận Q phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” mà hành vi của bị cáo chỉ là sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn vi phạm một số lỗi tố tụng sau: Theo P khai nguồn gốc số ma túy do ông T3 Đội trưởng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an huyện TT cho bị cáo để sử dụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông T3 trình bày ngày 10/8/2020 có gặp P để làm việc về nội dung này, tuy nhiên trong hồ sơ không có biên bản làm việc, văn bản trình bày của P là không đúng trình tự tố tụng và việc xác định tình trạng nghiện của các bị cáo cũng vi phạm trình tự quy định tại Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TT điều tra lại toàn bộ vụ án theo thủ tục chung. Trường hợp yêu cầu kháng cáo về tội danh của bị cáo Q

không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án dưới 07 năm tù.

* Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Sỹ T tranh luận: Luật sư đồng ý với quan điểm tranh luận của luật sư đồng nghiệp, các bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” vì theo Thông tư số 17 hành vi của các bị cáo không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo T không có hành vi phân C, chỉ huy, điều hành, chọn địa điểm, đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác mà các bị cáo đều tự mình đưa ma túy vào cơ thể. Hành vi lấp cống vào bình thủy tinh của T chỉ là hành động thông thường trong việc sử dụng ma túy không phải hành vi kết nối trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Về mặt lỗi, các bị cáo phải thực hiện do cố ý, thấy trước được hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra nhưng trong vụ án này không xác định được mối liên hệ nhân quả giữa hành vi với hậu quả và sự tiếp nhận ý chí của T đối với các bị cáo khác, từ khi bắt đầu đến khi kết thúc, hành vi của các bị cáo chỉ là sử dụng chứ không phải tổ chức. Vì vậy, bị cáo T không phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo T không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về chiếc xe mô tô cơ quan điều tra thu giữ của T không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T nhất trí với ý kiến bào chữa của luật sư và không bổ sung.

Bị cáo Nguyễn Văn C không có ý kiến tranh luận, đề nghị xem xét về tội danh đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối đáp:

- Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Mặc dù lúc đầu các bị cáo không rủ rê, lôi kéo đến nhà P để sử dụng ma túy, nhưng từ khi P bỏ ma túy ra bàn và nói “Còn ít đồ chơi nốt”, các bị cáo tiếp nhận ý chí của P và mỗi người tham gia vào từng C đoạn để tiến hành hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy không bắt buộc có sự phân C chặt chẽ. Trong đó, P và C là người cung cấp ma túy, T1 cầm bình thủy tinh từ dưới gầm ghế đặt lên bàn, T lấp cống vào bình thủy tinh, Q xúc ma túy đổ vào cống và dùng bật lửa đốt cho ma túy tan chảy cháy thành khói để mọi người sử dụng, hành vi của các bị cáo chuẩn bị C cụ, phương tiện, địa điểm nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác và chính bản thân các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và C văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 50 phút ngày 09/4/2020 tổ C tác C an huyện TT thu

giữ dưới nền nhà cạnh chân bàn ngay chỗ P ngồi (phòng 201) 01 gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 4,4003 gam. Tại các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố P khai nhận đó là ma túy của P. Mặt khác, khi thu giữ gói ma túy tại phòng 201 có mặt bị cáo T1 và anh Nguyễn Thành C đều khẳng định gói ma túy là của P và được thu giữ ngay chỗ P ngồi. Do đó, luật sư đề nghị áp dụng Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự “Suy đoán vô tội” để xác định bị cáo P không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với “Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”: Theo kết luận giám định, khẩu súng bị cáo tàng trữ có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng; 03 viên đạn bắn được bằng khẩu súng bị cáo tàng trữ. Vì vậy, dù bị cáo không biết tính năng tác dụng của khẩu súng, không sử dụng khẩu súng vào việc phi pháp nhưng đã cất giữ súng khi không được Nhà nước cho phép là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ, luật sư đề nghị giám định lại để kết luận về tính năng tác dụng, mức độ sát thương của khẩu súng và 03 viên là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của các luật sư về việc hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TT điều tra lại toàn bộ vụ án theo thủ tục chung.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo về tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thấy:

[1.1] Các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T và người bào chữa của bị cáo P, Q, T cho rằng các bị cáo không phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên quá trình điều tra các bị cáo và anh C, bị cáo T1 đều khai nhận: Khi Q, T và anh C vào phòng 201 đã thấy P và T1 ở trong phòng. Ngồi nói chuyện một lúc thì P lấy trong bao thuốc lá ra một gói ma túy đá để trên bàn và nói còn ít đồ cho vào chơi nốt và hỏi bình đâu, T là người tìm bình sử dụng ma túy nhưng do bình để gần chỗ T1 ngồi nên T1 lấy Bình để lên bàn, P lấy cồng chõ bình đựng nước để lên mặt bàn, T lấp cồng vào bình thủy tinh, Q dùng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng xúc ma túy cho vào trong cồng, C đưa bật lửa cho Q đốt ma túy trong cồng tan chảy, cháy thành khói cho mọi người sử dụng lần lượt P hút trước, rồi đến T1, C, T và Q. Cả nhóm sử dụng được hai vòng thì hết ma túy. Sau đó, P đi xuống tầng 1, còn T đi về. Khoảng 10 phút sau C lên phòng 201 hỏi ma túy còn không. Do Q nói hết nên C đi ra, lát sau quay lại cầm gói ma túy

khác đổ vào cống, bật lửa đốt cống cho ma túy tan chảy rồi để lên mặt bàn, khi thấy P vào Q đốt ma túy cháy thành khói rồi đưa cho mọi người sử dụng, lần lượt P, T1, C, C và Q sử dụng. Khi cả nhóm sử dụng được một vòng thì C phát hiện qua camera có C an vào kiểm tra nên một số bị cáo ra về còn một số ở lại phòng 201.

[1.2] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo P là người phân C, điều hành cung cấp ma túy, địa điểm, C cụ, phương tiện để cho bản thân bị cáo P, C, T, Q, T1 sử dụng đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể. Bị cáo C nghiện ma túy đã cung cấp chất ma túy, đồng thời cung cấp C cụ là bật lửa và trực tiếp hơi đốt ma túy tan chảy để mọi người sử dụng. Bị cáo T1 lấy bình thủy tinh để lên mặt bàn, bị cáo T lắp cống vào bình thủy tinh đã tham gia vào việc chuẩn bị C cụ cho việc sử dụng ma túy. Bị cáo Q xúc ma túy vào bình, đốt cho ma túy đá từ thể rắn chuyển thành hơi và đưa mời từng người sử dụng ma túy. Mỗi bị cáo đều tham gia vào từng C đoạn để cung cấp ma túy, C cụ, chế biến cho 05 người đưa trái phép chất túy vào cơ thể. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và C văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[1.3] Quá trình điều tra bị cáo P đã tự viết bản tự khai, ký vào các Biên bản hỏi cung do điều tra viên thực hiện, các lời khai do kiểm sát viên phúc cung và bị cáo khẳng định không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình nên việc tiến hành tố tụng đối với bị cáo P không có ghi âm, ghi hình không làm thay đổi lời khai của bị cáo và bản chất vụ án. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị cáo và ý kiến bào chữa của luật sư tại phiên tòa không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo P và ý kiến bào chữa của luật sư bào chữa về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” thấy:

[2.1] Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Ngày 09/4/2020, khi kiểm tra nhà nghỉ Thiên Kim, C an đã thu giữ tại phòng 201 một gói ma túy loại Methamphetamine khối lượng 4,4003 gam và thu giữ trong tủ phòng ngủ tầng một gói ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,5621 gam. Quá trình điều tra các bản tự khai và lời khai ban đầu bị cáo P đều thừa nhận số ma túy bị cáo mua về mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân, sau đó bị cáo thay đổi lời khai nguồn gốc số ma túy do bị cáo nhặt được và do anh T3 cho, bị cáo đã kể sự việc cho anh Tuấn và bị cáo C nghe. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có tài liệu nào chứng minh nội dung bị cáo khai, anh T3 khai không cung cấp ma túy cho bị cáo, anh Tuấn, bị cáo C xác định không được bị cáo P kể lại sự việc trên. Các bị cáo T1, Q và anh C xác định không mang ma túy đến phòng 201 nhà nghỉ Thiên Kim, trước đó không ai nhìn thấy gói ma túy và gói ma túy thu giữ được ngay tại vị trí P ngồi

phù hợp với lời khai ban đầu bị cáo P khai mua ma túy cất giữ trong túi áo khoác, khi bị cáo quần áo khoác cất dấu súng bị rơi ra nền nhà, gói ma túy thu trong tủ bị cáo mua đã lâu để quên không biết từ bao giờ và phù hợp với lời khai của bị cáo T1 và anh C, do đó luật sư bào chữa cho rằng hiện trường thu giữ gói ma túy có nhiều người ra vào và không ai chứng kiến sự xuất hiện gói ma túy có từ lúc nào và đề nghị giám định dấu vân tay của bị cáo trên 02 gói ma túy thu giữ để kết tội bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo tàng trữ gần 05 gam ma túy đá nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 04 năm 06 tháng tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị cáo P và ý kiến bào chữa của luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”: Ngày 09/4/2020, khi kiểm tra nhà nghỉ Thiên Kim, C an thu giữ của bị cáo P 01 khẩu súng côn quay và 03 viên đạn sử dụng cho khẩu súng này (01 viên có trong ổ đạn, 02 viên khác do bị cáo tự nguyện giao nộp). Bị cáo P khai, khẩu súng bị cáo đặt mua trên mạng, đạn do một người khách hàng đến nhà nghỉ cho. Bị cáo không dùng súng vào mục đích vi phạm pháp luật mà chỉ để thị uy cho khỏi bị bắt nạt. Tuy nhiên, kết luận giám định xác định: Khẩu súng kiểu ổ quay bị cáo tàng trữ có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng; 03 viên đạn bắn được bằng khẩu súng trên. Vì vậy, dù bị cáo không biết tính năng tác dụng của khẩu súng, không sử dụng khẩu súng vào việc phi pháp nhưng đã cất giữ súng khi không được Nhà nước cho phép là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật. Do đó, ý kiến trình bày của bị cáo và bào chữa của luật sư không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của luật sư về việc ngày 10/8/2020, anh T3 lên làm việc với P nhưng không lập biên bản là vi phạm tố tụng thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm anh T3 trình bày, do bị cáo P khai có liên quan đến việc anh cho bị cáo ma túy nên anh đã chủ động xin rút điều tra vụ án, ngày 10/8/2020 anh vào làm việc hướng dẫn bị cáo P viết giấy ủy quyền cho em trai bị cáo nhận lại chiếc xe mô tô chứ không lấy lời khai liên quan đến nội dung P khai anh cho ma túy. Bị cáo P xác định ngày 10/8/2020 anh T3 chỉ giải thích và hướng dẫn lập giấy ủy quyền liên quan đến chiếc xe chứ không lấy lời khai và hay ghi biên bản gì và tài liệu trong hồ sơ thể hiện có “Giấy ủy quyền” ghi ngày 10/8/2020 của bị cáo P cho anh Nguyễn Hồng D (em trai bị cáo) nội dung ủy quyền giải quyết về chiếc xe mô tô (BL 171), do đó ý kiến của luật sư cần xem xét về tố tụng nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của bị cáo T và luật sư đề nghị trả lại chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29H - 242.16: Xét thấy, quá trình điều tra, cơ quan C an chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nên đã tách ra để xác

minh, làm rõ và xử lý sau. Bản án sơ thẩm không quyết định xử lý đối với chiếc xe trên, bị cáo không kháng cáo về nội dung này, vì vậy ý kiến của bị cáo và luật sư không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TT như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HSST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đối với các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T và giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” đối với bị cáo Nguyễn Xuân P.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Điều luật áp dụng và hình phạt.

3.1. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân P:

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 249, điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân P 10.000.000 đồng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Xuân P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

3.2. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2020.

3.3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

3.4. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Sỹ T **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2020.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T.

5. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Đoàn Sỹ T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại Tạm giam;
- CA, VKS, TA, CCTHADS h. TT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

- Lưu HCTP.

Nguyễn Thị Phương Thảo